

# Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5938 – 1995

## Chất lượng không khí

Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh

Air quality\_Maximum allowable concentration of hazardous substances in ambient air

### 1 Phạm vi áp dụng

1.1 Tiêu chuẩn này quy định nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh bao gồm các chất vô cơ, hữu cơ... sinh ra do các hoạt động kinh tế của con người.

1.2 Tiêu chuẩn này áp dụng để đánh giá mức chất lượng không khí và giám sát tình trạng ô nhiễm không khí xung quanh.

1.3 Tiêu chuẩn này không áp dụng đối với không khí trong phạm vi các cơ sở sản xuất công nghiệp.

### 2 Giá trị giới hạn cho phép.

Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh cho trong bảng 1.

**Bảng 1\_ Nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh(mg/m<sup>3</sup>)**

TT	TÊN CHẤT	CÔNG THỨC HOÁ HỌC	TRUNG BÌNH NGÀY ĐÊM	1 LẦN TỐI ĐA
1	Acrylonitril	CH <sub>2</sub> =CHN	●0,2	●_
2	Amoniac	NH <sub>3</sub>	●0,2	●0,2
3	Anilin	C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> NH <sub>2</sub>	●0,03	●0,05
4	Anhydrit vanadic	V <sub>2</sub> O <sub>5</sub>	●0,002	● 0,05
5	Asen (hợp chất vô cơ tính theo As)	As	●0,003	●_
6	Asen hydrua (Asin)	AsH <sub>3</sub>	●0,002	●_
7	Axit axetic	CH <sub>3</sub> COOH	●0,06	●0,2
8	Axit clohydric	HCl	●0,06	●_
9	Axit nitric	HNO <sub>3</sub>	●0,15	●0,4
10	Axit sunfuric	H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	●0,1	●0,3
11	Benzen	C <sub>6</sub> H <sub>6</sub>	●0,1	●1,5
12	Bụi chứa SiO <sub>2</sub>			
	- dinas 85 – 90%SiO <sub>2</sub>		●0,05	●0,15
	- gạch chịu lửa 50% SiO <sub>2</sub>		●0,1	●0,3
	- xi măng 10% SiO <sub>2</sub>		●0,1	●0,3
	- domoit 8% SiO <sub>2</sub>		●0,15	●0,5
13	Bụi chứa amiăng		Không	●Không

14	Cadmi(khói gồm oxít và kim loại) theo Cd	Cd	●0,001	●0,003
15	Cacbon disunfua	CS <sub>2</sub>	●0,005	●0,03
16	Cacbon tetraclo rua	CCl <sub>4</sub>	●2	●4
17	Cloroform	CHCl <sub>3</sub>	●0,02	●
18	Chì tetraetyl	Pb(C <sub>2</sub> H <sub>5</sub> ) <sub>4</sub>	●Không	●0,005
19	Clo	Cl <sub>2</sub>	●0,03	●0,1
20	Benzidin	NH <sub>2</sub> C <sub>6</sub> H <sub>4</sub> NH <sub>2</sub>	● Không	● không
21	Crom kim loại và hợp chất	Cr	●	●
22	1,2 Dicloetan	C <sub>2</sub> H <sub>4</sub> Cl <sub>2</sub>	●1	●3
23	DDT	C <sub>8</sub> H <sub>11</sub> Cl <sub>4</sub>	●0,5	●
24	Hydroflorua	HF	●0,005	●0,02
25	Fomaldehyt	HCHO	●0,012	●0,012
26	Hydrosunfua	H <sub>2</sub> S	●0,008	●0,008
27	Hydrocyanua	HCN	●0,01	●0,01
28	Mangan và hợp chất (tính theo MnO <sub>2</sub> )	Mn/MnO <sub>2</sub>	●0,01	●
29	Niken (kim loại và hợp chất)	Ni	●0,001	●
30	Naphta		●4	●
31	Phenol	C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> OH	●0,01	●
32	Styren	C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> CH=CH <sub>2</sub>	●0,003	●0,003
33	Toluen	C <sub>6</sub> H <sub>5</sub> CH <sub>3</sub>	●0,6	●0,6
34	Tricloetylen	CICH=CCl <sub>2</sub>	●1	●4
35	Thuỷ ngân (kim loại và hợp chất)	Hg	●0,0003	●
36	Vinylclorua	CICH=CH <sub>2</sub>	●	●13
37	Xăng		●1,5	●5,0
38	Tetracloetylen	C <sub>2</sub> Cl <sub>4</sub>	●0,1	●

● Chú thích \_ phương pháp lấy mẫu, phân tích, tính toán xác định từng thông số cụ thể được quy định trong các TCVN tương ứng